

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 69/2019/HS -PT

Ngày 20 – 02 – 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Tùng

Ông Văn Công Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 26/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019, đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Xuân C về tội “Cố ý gây thương tích” do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2018/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn N** - Sinh năm 1992, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn X, xã EN, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị C; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 35/2013/HSST ngày 03/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xử phạt 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/6/2018 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Xuân C** - Sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn Y, xã EH, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa:

9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân C1 và bà Hà Thị L; bị cáo có vợ là Đỗ Thị Thúy A và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2018 đến ngày 13/11/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại: Anh Nguyễn Văn A1, sinh năm 1980.*

Nơi cư trú: NM, phường TN, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – *Vắng mặt.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phùng Văn T1 (tên gọi khác: B), sinh năm 1995 – *Vắng mặt.*

Nơi cư trú: Thôn X, xã EN, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1987 – *Vắng mặt.*

Nơi cư trú: Thôn x, xã EN, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã EH, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk – *Có đơn xin vắng mặt.*

** Người làm chứng:*

- Anh Phan Văn T4, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Thôn XX, xã CW, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk (Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk) - *Vắng mặt.*

- Anh Nguyễn Thành Lưu H (tên gọi khác: C), sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn X, xã EN, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk – *Vắng mặt.*

- Anh Ngô Thành L1, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn X, xã EN, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk - *Vắng mặt.*

- Anh Phan Công S, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn JG, xã IK, huyện CS, tỉnh Gia Lai – *Có đơn xin vắng mặt.*

- Anh NLC4, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Buôn P, xã EN, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk - *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 28/3/2018, anh Nguyễn Văn A1 là lái xe hãng Taxi Q điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47A-059.xx chở khách là anh Nguyễn Xuân D và chị Nguyễn Thị T5 đi từ thành phố B đến thôn X, xã EN, huyện CK để dự đám cưới của người quen. Khi vào đám cưới anh A1 và anh D ngồi cùng bàn, sau khi ăn trưa xong thì anh A1 đi ra ngoài xe taxi đợi anh D.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, do có mâu thuẫn với một số người ngồi cùng bàn nên anh D đi ra về; khi đi ngang qua cổng rạp đám cưới thấy một nhóm thanh niên đang đứng ở đây, trong đó có Nguyễn Văn N, Lê Xuân C và Phùng Văn T1, anh D nói: *“Bọn mày không đủ tuổi nói chuyện với tao”* rồi đi nhanh ra xe taxi và nói với anh A1 là chạy nhanh về thành phố B. Anh A1 liền điều khiển xe taxi chở anh D đi theo đường liên xã EN ra hướng xã EK để về thành phố B.

Đối với nhóm thanh niên đứng ở cổng rạp đám cưới, trong đó có N, C và T1 khi nghe anh D nói như vậy thì không hiểu lý do gì nên T1 đã điều khiển xe mô tô đuổi theo xe taxi của anh A1 để hỏi anh D lý do vì sao lại nói như thế. Khi T1 đi đến đoạn đường dốc đội 29, thuộc buôn P, xã EN thì đuổi kịp xe taxi và chặn trước đầu xe taxi yêu cầu dừng xe lại. Khi anh A1 dừng xe lại thì anh D mở cửa xe taxi bỏ chạy vào vườn tiêu bên đường còn T1 gọi điện thoại di động cho Nguyễn Văn N nói *“đã giữ được xe ô tô taxi ở dốc đội 29”*. Nghe vậy N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47T1-079.xx chở theo Lê Xuân C đi đến chỗ xe taxi của anh A1, lúc này T1 điều khiển xe mô tô đi tìm anh D nhưng không thấy. N đi lại gần anh A1 và nói: *“Sao tao gọi mày, mày không dừng lại”*, anh A1 nói *“Tôi không nghe”*. Liên lúc đó N dùng tay nắm vào mặt và bụng của anh A1 02 đến 03 cái, C cũng lao vào dùng tay đánh anh A1; anh A1 xin C và N không đánh nữa nên cả hai dừng lại. Thấy anh A1 bị chảy máu, N đưa cho anh A1 500.000đ để mua thuốc nhưng anh A1 không nhận. Sau khi bị đánh, anh A1 đã gọi người nhà đến đưa đi điều trị thương tích tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số 542/PY-TgT ngày 24/4/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyễn Văn A1 bị: “Chấn thương vùng mặt, gãy xương gò má cung tiếp phải, vỡ xoang hàm phải, gãy xương ổ mắt và khớp gò má hàm trán phải; Tỷ lệ thương tích 40% tạm thời 12 tháng. Vật tác động: Cứng, tày”.

Tại Bản kết luận pháp y bổ sung số 754/PY-TgT ngày 22/6/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyễn Văn A1 bị: “Chấn thương phần mềm đầu trái 01% tạm thời 12 tháng. Vật tác động: Cứng, tày”.

Tại Bản kết luận pháp y bổ sung số 937/PY-TgT ngày 06/8/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyễn Văn A1 bị: “Chấn thương gò má phải, gãy xương gò má cung tiếp phải, mô kết hợp xương-khớp gò má + hàm trên phải: 25%; sụn gò má phải, vỡ xương hàm phải: 11%, cộng lồi # 08%; chấn thương ổ mắt phải, gãy bờ dưới xương ổ mắt, mô kết hợp xương và giảm thị lực mắt: 11% cộng lồi # 07%; chấn thương đùi trái 01%, cộng lồi # 01%; tổng số 41%”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2018/HS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, đã quyết định:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 11/6/2018.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân C: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 11/6/2018 đến ngày 13/11/2018

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2018, bị cáo Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 13/12/2018, bị cáo Lê Xuân C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bị hại Nguyễn Văn A1 đi giám định thương tật lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Xuân C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu trên, cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Xuân C phạm tội Cố ý gây thương tích theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ đến các tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa phúc thẩm các bị

cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo C đề nghị giám định lại thương tích của người bị hại nhưng bị cáo không cung cấp thêm tài liệu mới để làm cơ sở giám định thương tích. Hơn nữa theo Thông tư 20/2014/TT-BYT quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần và tại công văn số 35/CV-TTPY ngày 14/02/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đắk Lắk đã giải thích rõ và phân tích về những căn cứ để kết luận giám định là do bị hại Nguyễn Văn A1 há miệng hạn chế (được 2cm) do di chứng của gãy ổ khớp gò má hàm trên phải và dị vật kim khí (là nẹp vis) ở vùng tổn thương. Dựa vào chương 12 mục 1.9.1 Thông tư 20/2014/TT-BYT giám định viên định tỷ lệ tổn thương là 25% sức khỏe.

Căn cứ chương 11 mục II.1 và mục IV.2 chương 9 mục IX (dị vật phần mềm) của Thông tư 20/2014/TT-BYT thì tổn thương mắt, thị lực mắt phải của bị hại Nguyễn Văn A1 là $7/10 = 5\%$; Gãy bờ ngoài, bờ dưới xương ổ mắt phải = 6% , tổng cộng là 11% và cộng lùi toàn bộ = 7% . Như vậy, kết luận pháp y về tỷ lệ thương tích của bị hại là có căn cứ đúng pháp luật. Bị cáo không cung cấp tài liệu chứng minh việc giám định thiếu khách quan chính xác nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo đề nghị giám định lại tỷ lệ thương tích của bị hại.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không có tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Xuân C tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai của người làm chứng và phù hợp

với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào khoảng 14 giờ 50 phút ngày 28/03/2018 tại khu vực buôn P, xã EN, huyện CK mặc dù không có mâu thuẫn gì với người bị hại nhưng các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Xuân C đã dùng tay đánh gây thương tích 41% cho bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Xuân C phạm tội Cố ý gây thương tích theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật

[3] Xét hình phạt 04 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với Nguyễn Văn N và 03 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Xuân C là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ mà các bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của các bị cáo; sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, cần giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm ở địa phương và trong toàn xã hội nói chung.

[4] Xét yêu cầu của bị cáo Lê Xuân C về việc giám định lại thương tật của bị hại Nguyễn Văn A1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Việc giám định thương tích của bị hại Nguyễn Văn A1 đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật, bị cáo cho rằng việc giám định thiếu khách quan, không chính xác nhưng không cung cấp tài liệu chứng minh nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc đề nghị giám định lại tỷ lệ thương tích của bị hại. Ngoài ra, trong đơn kháng cáo bị cáo Lê Xuân C cho rằng theo Thông tư 20/2014/TT-BYT quy định: Gãy xương gò má cung tiếp can tốt mức độ thương tật 8-10%, ngược lại gãy xương gò má cung tiếp can xấu lên đến 16-20%, trong khi đó, tại bản kết luận giám định pháp y số 937, ngày 06/8/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk tính tỷ lệ tổn thương này là 25%, vượt khung so với quy định tại Thông tư 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế và trong bệnh án của bệnh nhân không có tài liệu nào về việc giảm thị lực mắt của bệnh nhân nhưng vẫn có kết luận giám định pháp y của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk vẫn ghi giảm thị lực mắt và tính tỷ lệ thương tích cho bị hại. Ngày 30/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã có công văn số 66/2019/CV-TA gửi Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk đề nghị giải thích kết quả giám định; ngày 14/02/2019, Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk đã có công văn phúc đáp số: 35/CV-TTPY giải thích rõ và phân tích về những căn cứ để kết luận

giám định là do bị hại Nguyễn Văn A1 há miệng hạn chế (được 2cm) do di chứng của gãy ổ khớp gò má hàm trên phải và dị vật kim khí (là nẹp vis) ở vùng tổn thương. Dựa vào chương 12 mục 1.9.1 Thông tư 20/2014/TT-BYT giám định viên định tỷ lệ tổn thương là 25% sức khỏe.

Tổn thương ở vùng mắt và quanh mắt (P) trong hồ sơ bệnh án ghi nhận:

Mắt phải sưng nề, bầm tím da mi, xuất huyết kết mạc mắt, thị lực 7/10, mắt trái 10/10, gián đoạn bờ dưới ổ mắt (P).

Phẫu thuật ghi nhận: Gãy bờ ngoài ổ mắt phải và bờ dưới ổ mắt phải đã xử lý bằng cách kết hợp xương bờ ngoài ổ mắt phải bằng 01 nẹp 05 lỗ + 4 vis 6mm và bờ dưới ổ mắt phải bằng nẹp 8 lỗ + 5 vis 6mm.

Căn cứ chương 11 mục II.I và mục IV.2, trong chương 9 mục IX (dị vật phần mềm) của Thông tư 20/2014/TT-BYT thì thị lực mắt phải của bị hại Nguyễn Văn A1 là 7/10 là 5%; Gãy bờ ngoài, bờ dưới xương ổ mắt phải là 6%, tổng cộng là 11% và cộng lùi toàn bộ là 7%. Như vậy kết luận pháp y về tỷ lệ thương tích của bị hại là có căn cứ đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Xuân C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Xuân C không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Xuân C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 35/2018/HS – ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin về hình phạt.

[2] Căn cứ: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội cố ý gây thương tích. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 11/6/2018.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Xuân C: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội cố ý gây thương tích. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 11/6/2018 đến ngày 13/11/2018.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Lê Xuân C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện CK;
- THA Hình sự huyện CK;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng